

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 004/01-23

Mã mẫu: 2301NC005 (001/01-23) Trang : 1/4

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC
DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Tràm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/01/2023 **Ngày trả kết quả:** 10/01/2023

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01- 1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,46	6,0-8,5
2	Mùi,vị	-	SMEWW 2150.B:2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130.B:2017	<0,1	2
4	Độ màu	Co-Pt	SMEWW 2120.C:2017	KPH	15
5	Độ kiềm	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2320.B:2017	15	-
6	Clo dư	mg/L	SMEWW 45000- CLG:2017	0,44	0,2-1
7	Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH	0,01
8	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

PHẠM THANH TOÀN

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 005/01-23

Mã mẫu: 2301NC006 (001/01-23) Trang : 1/4

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Tràm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/01/2023 **Ngày trả kết quả**: 10/01/2023

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,37	6,0-8,5
2	Mùi,vị	-	SMEWW 2150.B:2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130.B:2017	<0,1	2
4	Độ màu	Co-Pt	SMEWW 2120.C:2017	KPH	15
5	Độ kiềm	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2320.B:2017	12	-
6	Clo dư	mg/L	SMEWW 45000-CLG:2017	0,38	0,2-1
7	Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH	0,01
8	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 006/01-23

Mã mẫu: 2301NC007 (001/01-23) Trang : 1/4

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/01/2023 **Ngày trả kết quả**: 10/01/2023

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,31	6,0-8,5
2	Mùi, vị	-	SMEWW 2150.B:2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	NTU	SMEWW 2130.B:2017	<0,1	2
4	Độ màu	Co-Pt	SMEWW 2120.C:2017	KPH	15
5	Độ kiềm	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2320.B:2017	11	-
6	Clo dư	mg/L	SMEWW 45000-CLG:2017	0,35	0,2-1
7	Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH	0,01
8	E.Coli	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3

*Ghi Chú: KPH: Không phát hiện**QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống***PHÒNG THÍ NGHIỆM**
Trưởng phòng**PHẠM THANH TOÀN****KT.GIÁM ĐỐC**
Phó Giám Đốc**HOÀNG VĂN TÍN**



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 007/01-23

Mã mẫu: 2301NN008-2301NN011 (001/01-23) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TPHCM

Địa chỉ lấy mẫu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC CÚ CHI

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/01/2023 **Ngày trả kết quả:** 10/01/2023

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước dưới đất

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : NN1 lấy tại giếng trạm 2
: NN2 lấy tại giếng trạm cấp nước số 5
: NN3 lấy tại giếng A, trạm cấp nước số 10
: NN4 lấy tại giếng C, trạm cấp nước số 10

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả				QCVN 09:2015/B TNMT
				NN1	NN2	NN3	NN4	
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,53	6,61	6,56	6,37	5,5-8,5
2	Chất rắn tổng số	mg/L	-	54,8	53,4	86,4	83,3	-
3	Độ cứng	mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2017	28,0	33,0	30,5	32,0	500
4	COD (KMnO ₄)	mg/L	TCVN 6186-1996	KPH	KPH	KPH	KPH	4
5	Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	0,001
6	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ C&E:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
7	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	1,0
8	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	KPH	KPH	<7,5	KPH	250
9	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	<15	<15	<15	<15	400
10	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,06	0,078	0,127	0,105	1
11	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,064	0,078	0,088	0,067	15
12	NO ₂ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	1,0
13	Asen (As)	mg/L	TCVN 6182-1996	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
14	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	0,001
15	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 003/01-23

Mã mẫu: 2301NM004 (001/01-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TPHCM

Địa chỉ lấy mẫu : Kênh An Hạ

Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/01/2023 **Ngày trả kết quả**: 10/01/2023

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước mặt

Mô tả mẫu : Nước hơi đục

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Cách cống T1 50m về hướng thượng lưu

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột B1
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,26	5,5 – 9
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,23	≥ 4
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	25	50
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	9	15
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20	30
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,091	0,9
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,561	10
8	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH MDL=0,02	0,3
9	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,862	1,5
10	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	KPH MDL=0,3	1
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH MDL=0,03	0,4
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	1.200	7.500

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện, MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN